



Bản tin
**HÀNG RÀO KỸ THUẬT
TRONG THƯƠNG MẠI**
TỈNH BÌNH THUẬN

Số 70 (Tháng 12/2024)

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH THUẬN

CHI CỤC TIÊU CHUẨN - ĐO LƯỜNG - CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: KDC Bắc Xuân An - Phan Thiết – Bình Thuận. ĐT: 3754042

Website: www.chicuctdcbinhthuan.gov.vn



Cam kết TBT trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên

Hội nhập kinh tế quốc tế là chủ trương nhất quán của Đảng, Nhà nước ta và được cụ thể hoá qua những bước đi hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng chất lượng. Mở đầu cho tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng là khi Việt Nam gia nhập tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đến nay Việt Nam đã đàm phán và gia nhập hơn 13 Hiệp định thương mại tự do với tư cách là một thành viên của ASEAN và với tư cách là một bên độc lập.

(Xem tiếp trang 3)



Nội dung	Trang
1. Cam kết TBT trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam làm thành viên	1, 3-6
2. Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam tham gia (tính đến tháng 11/2024)	6-11
3. Nghị viện châu Âu thông quan đề xuất hoãn thực EUDR thêm một năm	12-13
4. Xuất khẩu sản phẩm Halal vào các nước hồi giáo: Thị trường tiềm năng nhưng đầy thách thức	14-16
5. ‘Xanh hóa’ để làm chủ ‘cuộc chơi’ trong hiệp định RCEP	18-20
6. Thích ứng các tiêu chuẩn bền vững để thúc đẩy xuất khẩu	21-23
7. Tận dụng Hiệp định CPTPP, dệt may tăng xuất khẩu sang thị trường mới	23-26
8. Thông báo WTO	27-30
9. Chuyên mục hoạt động TC-ĐL-CL	31-37

(Tiếp theo trang 1)

Cam kết TBT trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên



Trong đó có những Hiệp định được đánh giá là hiệp định thương mại tự do thế hệ mới do mức độ cam kết rộng và sâu với nhiều lĩnh vực phi truyền thống như lao động, môi trường, doanh nghiệp nhà nước... Hai trong số Hiệp định

thương mại tự do thế hệ mới nổi bật nhất mà Việt Nam tham gia hiện nay là Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu (EVFTA).

Trong hai Hiệp định này thuế quan được cam kết xóa bỏ ở mức cao, ví dụ trong CPTPP 65.8% số dòng thuế có thuế suất về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực, trong khi đó EVFTA 48.5% dòng thuế của Việt Nam sẽ về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực và sau từ 3-11 năm, tất cả các dòng thuế sẽ dần về 0%.

Hàng rào thuế quan dần được dỡ bỏ có thể dẫn tới kịch bản hàng rào kỹ thuật bằng cách này hay cách khác được các nước áp dụng nhiều hơn để bảo vệ hàng hoá trong nước của mình, hơn thế nữa các hàng rào này sẽ được dựng lên một cách tinh vi và phức tạp hơn. Lịch sử đã cho thấy, sau khi hình thành Thỏa thuận thương mại và thuế quan GATT, từ năm 1947 đến năm 1995 thuế quan đã giảm từ 40% xuống 4%, nhưng trong thời gian đó thế giới chứng kiến các hàng rào phi thuế quan tăng cao hơn rất nhiều so với thời điểm trước GATT 1947.

Các hàng rào này không thể cân đong đo đếm và tính toán định lượng để xác định thiệt hại về mặt kinh tế mà các nước gặp phải. Đó là lý do hàng rào phi thuế quan đã trở thành chủ đề được các nước quan tâm và bắt đầu được đưa vào đàm phán tại Vòng đàm phán Tokyo từ năm 1973, khởi đầu cho các Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định

TBT), Hiệp định về biện pháp vệ sinh và an toàn thực phẩm (Hiệp định SPS) của WTO sau này.

Để đảm bảo rằng khi rào cản thuế quan được dỡ bỏ dần, hàng rào phi thuế quan không được tạo ra một cách vô lý nhằm cản trở thương mại, gây mất bình đẳng và phân biệt đối xử, các cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) cùng với cam kết khác đã được các nước đưa vào khung đàm phán với mục đích dỡ bỏ những rào cản kỹ thuật cản trở thương mại quá mức cần thiết. Hiệp định TBT là một trong các Hiệp định quan trọng của WTO và Chương TBT cũng trở thành một phần không thể thiếu của các Hiệp định thương mại tự do giữa các quốc gia.

Xét về cấu trúc, mặc dù đều căn cứ trên cam kết nền về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp của Hiệp định WTO/TBT, nhưng CPTPP và EVFTA có hai Chương TBT không hoàn toàn tương đồng. Chương TBT của Hiệp định CPTPP có 13 điều và 7 Phụ lục, đây là Hiệp định thương mại tự do khu vực đầu tiên mà Việt Nam cam kết có thêm các Phụ lục về sản phẩm, hàng hoá cụ thể. Trong khi đó EVFTA gồm có 11 điều khoản và không có phụ lục nào.

Hai Chương TBT của CPTPP và EVFTA có 7 điều khoản tương tự gồm Mục tiêu; Phạm vi áp dụng; Định nghĩa; Tiêu chuẩn; Quy trình đánh giá sự phù hợp; Minh bạch hoá; Hợp tác và thuận lợi hoá thương mại và 12 điều khoản khác nhau cụ thể trong CPTPP có các điều khoản về Tích hợp với Hiệp định TBT, Giai đoạn phù hợp của quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp, Trao đổi thông tin và thảo luận kỹ thuật, Uỷ ban TBT, Điểm hỏi đáp và các Phụ lục (rượu vang và rượu chưng cất; sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông; dược phẩm; mỹ phẩm; trang thiết bị y tế; công thức độc quyền cho phụ gia thực phẩm và thực phẩm bao gói sẵn; sản phẩm hữu cơ), trong khi đó EVFTA lại có các điều khoản cam kết về Khẳng định Hiệp định TBT của WTO, Quy chuẩn kỹ thuật, Hậu kiểm, Ghi dấu và ghi nhãn, Tham vấn, Thực thi.

Xét về nội dung, CPTPP/TBT và EVFTA/TBT đều phải căn cứ trên các nguyên tắc cốt lõi của WTO/ TBT như không phân biệt đối xử, tạo thuận lợi thương mại, không tạo ra các rào cản không cần thiết cho thương mại quốc tế... Tuy nhiên, nếu WTO/TBT là những cam kết khung thì CPTPP/TBT và EVFTA/TBT cam kết cụ thể hơn, chi tiết hơn, có thể hiểu các nội dung, nguyên tắc của Hiệp định TBT đã được tích hợp trong các cam kết TBT của CPTPP và EVFTA. Mức độ cụ thể hay chi tiết trong cam kết phản ánh mong muốn của các nước tham gia hai hiệp định này. Ví dụ trong CPTPP/TBT, Điều 2 về xây dựng, thông qua và áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật do các cơ quan chính phủ trung ương ban hành được tích hợp với các điều 2.1, 2.2, 2.4, 2.5, 2.9, 2.10, 2.11 và 2.12 của Hiệp định WTO/TBT; Điều 5. Tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế được tích hợp với đoạn D, E, F của Phụ lục 3 trong Hiệp định WTO/TBT. EVFTA/TBT không chỉ rõ các điều khoản của WTO/TBT được tích hợp vào Chương TBT nhưng khẳng định các quyền và nghĩa vụ theo Hiệp định này.

Về tiêu chuẩn, cả hai Chương TBT của CPTPP và EVFTA đều khẳng định vai trò của tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế trong việc xoá bỏ rào cản không cần thiết đối với thương mại, trong đó đều coi Quyết định mà Uỷ ban WTO/TBT ban hành về các nguyên tắc

xây dựng tiêu chuẩn quốc tế là căn cứ để xác định một tiêu chuẩn thế nào là một tiêu chuẩn quốc tế. Quyết định này đưa ra 6 nguyên tắc để xác định tiêu chuẩn quốc tế giúp các nước sử dụng làm căn cứ khi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp của mình.

Riêng Chương EVFTA/TBT bổ sung quy định liên quan tới hài hoà tiêu chuẩn trong đó lấy tiêu chuẩn quốc tế làm nền tảng để xem xét việc hài hoà. Ngoài ra còn yêu cầu tiêu chuẩn khi được quy định thành bắt buộc áp dụng trong quy chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp sẽ phải thực hiện minh bạch hoá. Yêu cầu này cũng chặt chẽ và chi tiết hơn so với Hiệp định WTO/TBT.

Về quy chuẩn kỹ thuật, Chương EVFTA/TBT có một điều khoản riêng về quy chuẩn kỹ thuật quy định chi tiết hơn các điều 2.2, 2.7, Điều 13 của Hiệp định WTO/TBT. Để đáp ứng yêu cầu của EVFTA, quy chuẩn kỹ thuật phải được xây dựng căn cứ trên tiêu chuẩn quốc tế như tiêu chuẩn của Tổ chức Tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO), Ủy ban Kỹ thuật điện quốc tế (IEC), Liên minh viễn thông quốc tế (ITU) và Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm Codex (CAC), trừ khi những tiêu chuẩn này không phù hợp với mục tiêu hợp pháp như bảo vệ sức khoẻ, an toàn, bảo vệ môi trường... Cụ thể hơn so với WTO/TBT, EVFTA/TBT yêu cầu phải giải thích lý do vì sao tiêu chuẩn quốc tế đó được coi là không phù hợp.

Chấp nhận tương đương quy chuẩn kỹ thuật là một quy định tại Điều 2.7 của Hiệp định WTO/TBT, tuy nhiên việc yêu cầu chấp nhận tương đương hay giải thích lý do trong trường hợp không chấp nhận tương đương quy chuẩn kỹ thuật được quy định cụ thể hơn trong EVFTA/TBT.

CPTPP/TBT không có điều khoản riêng về quy chuẩn kỹ thuật, thay vào đó các nghĩa vụ liên quan tới quy chuẩn kỹ thuật được đưa vào các điều khoản khác nhau của Chương, ví dụ quy định minh bạch hoá, quy định giai đoạn thực thi... đặc biệt quy chuẩn kỹ thuật là đối tượng quan trọng của nghĩa vụ minh bạch hoá, do vậy việc thực hiện minh bạch hoá đối với quy chuẩn kỹ thuật được quy định trong CPTPP chặt chẽ và cụ thể hơn nhiều so với WTO/TBT. Ví dụ, nghĩa vụ quy định công bố tất cả dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, dự thảo bản sửa đổi bổ sung, văn bản đã ban hành của các dự thảo này theo yêu cầu thông báo của Hiệp định TBT hoặc Chương CPTPP/TBT trên trang công báo hoặc website chính thức riêng, hay quy định phải thông báo cả những quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với nội dung kỹ thuật của tiêu chuẩn, hướng dẫn hoặc khuyến nghị quốc tế có khả năng tác động đáng kể lên thương mại, trong khi đó Điều 2.5 của Hiệp định TBT quy định quy chuẩn kỹ thuật nếu được xây dựng căn cứ trên tiêu chuẩn quốc tế sẽ được xem là không tạo ra rào cản không cần thiết đối với thương mại quốc tế và đồng nghĩa không phải thực hiện nghĩa vụ minh bạch hoá.

Về đánh giá sự phù hợp, Điều 6 về đánh giá sự phù hợp của CPTPP có 16 khoản trong khi đó Điều 6 của EVFTA có 6 khoản. Đánh giá sự phù hợp của CPTPP tích hợp các điều 5.2, 5.4, 6.3, 6.4, 9.1, 9.2 và EVFTA tích hợp các điều 5.1, 5.2 và 5.4 của Hiệp định WTO/TBT. Cả hai Chương TBT đều yêu cầu nếu từ chối chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp phải giải thích lý do cụ thể về việc từ chối.

CPTPP/TBT yêu cầu phí đánh giá sự phù hợp phải được tính toán dựa trên chi phí xấp xỉ của dịch vụ và yêu cầu nước thành viên không được bắt doanh nghiệp phải hợp pháp hoá lãnh sự hồ sơ đánh giá sự phù hợp và nộp các loại phí liên quan. Trong khi đó, EVFTA nhấn mạnh nguyên tắc *Đối xử quốc gia (NT)* và *Đối xử tối huệ quốc (MFN)* trong việc áp dụng các loại phí về đánh giá sự phù hợp sản phẩm trong nước với nước ngoài và với nước thứ ba.

CPTPP yêu cầu không phân biệt đối xử giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp trong nước và tổ chức đánh giá sự phù hợp trên lãnh thổ của nước thành viên CPTPP. Ngoài ra CPTPP cũng quy định chặt chẽ những điều không được cấm, không được yêu cầu đối với hoạt động đánh giá sự phù hợp.

Ví dụ không được yêu cầu tổ chức đánh giá sự phù hợp phải nằm trên lãnh thổ của mình hoặc phải có văn phòng đại diện tại lãnh thổ của mình, không được cấm áp dụng các hiệp định thừa nhận lẫn nhau để công nhận, cấp phép thừa nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp nằm ngoài nước. Bên cạnh đó cũng không được từ chối chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp vì các lý do như tổ chức công nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện các hoạt động đánh giá nằm trên quốc gia có nhiều tổ chức công nhận, là một tổ chức phi chính phủ, không có văn phòng đại diện tại nước mình...

EVFTA chủ yếu tập trung quy định các cơ chế giúp thúc đẩy, tạo thuận lợi cho việc chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp như việc căn cứ vào công bố phù hợp, thực hiện các thoả thuận tự nguyện giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp, chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp...

Như vậy, về cơ bản có thể thấy cách tiếp cận về đánh giá sự phù hợp của CPTPP và EVFTA khác nhau mặc dù đều tích hợp và căn cứ trên nền tảng là Hiệp định WTO/TBT.

Tôn Nữ Thục Uyên

www.tcvn.gov.vn

Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam tham gia (tính đến tháng 11/2024)

Tính đến tháng 11-2024, Việt Nam đã ký kết, thực thi và đang đàm phán 19 FTA, trong đó 16/19 FTA đã có hiệu lực với các đối tác phủ rộng khắp các châu lục. Mới nhất là Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện (CEPA) - Hiệp định thương mại tự do (FTA) đầu tiên của Việt Nam với một nước Arab (UAE) ký kết vào ngày 28/10/2024.

Cụ thể:

16 FTA đã ký và có hiệu lực: 1) Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA), 2) Khu vực Thương mại Tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA), 3) Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA), 4) Hiệp định Đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA), 5) Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP), 6) Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Ấn Độ (AIFTA), 7) Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Australia và New Zealand (AANZFTA), 8) Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Chi Lê (VCFTA), 9) Hiệp



định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA), 10) Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á Âu (Việt Nam-EAEU FTA), 11) Hiệp định Đối tác toàn diện tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), 12) Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông (Trung Quốc) (AHKFTA), 13) Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), 14) Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA), 15) Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), 16) Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện giữa Việt Nam và các Tiểu Vương quốc Ả-rập Thống nhất (CEPA Việt Nam - UAE).

01 FTA đã ký nhưng chưa có hiệu lực: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Israel (VIFTA)

02 FTA đang đàm phán: 1) Hiệp định thương

mại tự do (FTA) giữa Việt Nam và Khối EFTA (Việt Nam - EFTA FTA), 2) Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Canada (ASEAN - Canada).

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế, trong đó, nổi bật là việc đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia trên thế giới cùng sự tích cực khi tham gia vào các Hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

FTA được hiểu là thỏa thuận mở cửa thị trường với sự tham gia của ít nhất hai thành viên với mục đích là cắt giảm hoặc loại bỏ hàng rào thuế quan, dịch vụ và đầu tư để tạo thuận lợi cho thương mại.

Các FTA này đã tác động mạnh mẽ đến kinh tế của nước ta, thúc đẩy và mở rộng thị trường xuất khẩu, tạo ra một môi trường giao thương buôn bán năng động cũng như thu hút đầu tư nước ngoài, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo hướng tiệm cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

Hiệp định thương mại tự do (FTA) và Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

Sự phát triển của FTA từ truyền thống đến hiện đại phản ánh quá trình phát triển ngày càng mạnh mẽ và đa dạng của quá trình tự do hóa thương mại và liên kết sản xuất trên phạm vi toàn cầu thông qua các hiệp định thương mại giữa các bên tham gia.

Căn cứ vào mức độ và diện cam kết, các FTA thường được chia làm 2 loại là FTA truyền thống và FTA thế hệ mới.

FTA truyền thống: Là các FTA có phạm vi hẹp với mức độ tự do hóa hạn chế, thường chỉ bao gồm các lĩnh vực: thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, v.v. Tuy nhiên, những cam kết trong các lĩnh vực này thường chung chung, ít khi ràng buộc cụ thể ở mức cao. Ví dụ: các FTA mà Việt Nam tham gia trong khuôn khổ ASEAN.

FTA thế hệ mới: Là các FTA có phạm vi và mức độ cam kết cao hơn so với các FTA truyền thống thông thường. Với các FTA thế hệ mới, phạm vi cam kết được mở rộng sang các những lĩnh vực mới khác, mang tính “phi truyền thống” như mua sắm của Chính phủ, doanh nghiệp Nhà nước, thương mại trong mối quan hệ với môi trường, lao động, thương mại điện tử... Về mức độ cam kết, tỷ lệ xóa bỏ thuế quan đối với hàng nhập khẩu trong các FTA thế hệ mới thường lên đến gần 100% trong khi các FTA truyền thống thông thường có tỷ lệ thấp hơn.

Qua các điểm khác nhau kể ở trên thì trong số các Hiệp định Thương mại tự do mà Việt Nam có ba hiệp định được coi là “FTA thế hệ mới”: Hiệp định Đối tác toàn diện tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA); Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA).

Cơ hội và thách thức khi Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do

VỀ CƠ HỘI: được ưu đãi về thuế. Khi ký kết các FTA, các thành viên sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan, trong đó có việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan theo một lộ trình nhất định. Hầu hết các nước có biểu thuế áp dụng chung cho tất cả các nước còn lại trong khối. Như vậy, xuất khẩu sẽ tăng trưởng nhanh khi thuế suất giảm. Việc giảm thuế sẽ dẫn đến sự gia tăng nhanh chóng nguồn hàng nhập khẩu giữa các nước trong khối do giá thành rẻ hơn, chất lượng, mẫu mã đa dạng, phong phú hơn. Giảm thuế giúp cho việc mở rộng thị phần hàng hóa nhập khẩu tại các nước nội khối tham gia FTA và tác động trở lại tới xuất khẩu hàng hóa tại các nước này. Ví dụ: Trong EVFTA, Việt Nam và EU cam kết xóa bỏ 99% dòng thuế; trong đó, EU cam kết xóa bỏ 85,6%, Việt Nam cam kết xóa bỏ 65% số dòng thuế ngay khi EVFTA có hiệu lực.

Tăng tỉ lệ nội địa hóa - thúc đẩy hoạt động xuất khẩu: các điều kiện về quy tắc xuất xứ chặt chẽ trong các FTA thế hệ mới sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất trực tiếp nguyên vật liệu thay thế nhập khẩu. Từ đó giảm mức độ phụ thuộc vào các nguyên phụ liệu nhập

khẩu, dẫn đến tăng tỉ lệ nội địa hóa trong hàng hóa xuất khẩu, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng năng lực cạnh tranh và giúp tạo ra giá trị gia tăng lớn hơn cho xuất khẩu.

Việc tham gia các FTA thế hệ mới sẽ khiến cho nhiều mặt hàng làm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất trong nước có giá thấp hơn. Do đó, chi phí sản xuất của các doanh nghiệp được cắt giảm, từ đó, giá cả hàng hóa sẽ cạnh tranh hơn so với hàng nhập khẩu, thúc đẩy sản xuất trong nước để xuất khẩu. Việc cắt giảm thuế quan sẽ khiến hàng hóa nhập khẩu từ các nước, đặc biệt là các nước EU vào Việt Nam sẽ nhiều hơn do giá thành rẻ, mẫu mã phong phú và đa dạng, tác động tích cực đến sản xuất trong nước.

FTA sẽ giúp doanh nghiệp Việt Nam có thêm cơ hội xuất khẩu sang nhiều thị trường khác nhau, giảm lệ thuộc vào một thị trường cụ thể, giảm rủi ro kinh doanh thương mại khi thực hiện đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Kết quả là trong 3 năm gần đây, Việt Nam được xếp là 1 trong 20 quốc gia có quy mô thương mại quốc tế lớn nhất thế giới, với tốc độ tăng trưởng cao (khoảng 12,5% trở lên).

Cải tiến khoa học công nghệ - đáp ứng xu thế - bảo vệ môi trường: Những quy định về quy tắc xuất xứ, kỹ thuật, môi trường đối với xuất khẩu hàng hóa sẽ giúp đẩy mạnh triển khai các tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất. Áp dụng các công nghệ mới, các nguyên liệu mới để tạo ra các sản phẩm xuất khẩu có tính năng khác biệt, triển khai các chương trình sản xuất tiết kiệm năng lượng, công nghệ cao, bảo vệ môi trường. Tham gia các FTA thế hệ mới sẽ thúc đẩy Việt Nam cũng như các nước xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, kỹ thuật trong sản xuất hàng hóa phù hợp và hài hòa về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thông lệ quốc tế. Từ đó, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và nâng cao kỹ thuật công nghệ trong sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Các FTA thế hệ mới cũng có các quy định về phát triển bền vững, giúp hạn chế bớt những công nghệ lạc hậu và thúc đẩy phát triển các công nghệ sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường. Những xu hướng này mang lại nhiều lợi ích cho nền kinh tế Việt Nam và cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Nâng cao năng lực cạnh tranh: Nâng cao năng lực cạnh tranh trên 3 cấp độ: ngành, doanh nghiệp, sản phẩm đối với các nước khi tham gia các FTA thế hệ mới. Các FTA sẽ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và ngược lại các doanh nghiệp tại các nước tham gia phải tạo ra năng lực cạnh tranh để đáp ứng được các quy định trong các FTAs. Từ đó, hàng hóa xuất khẩu sẽ có đủ sức cạnh tranh trong nội khối nói riêng và trên thị trường quốc tế nói chung. Bên cạnh đó, các FTA đều có các cam kết đối xử công bằng giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài trong việc thành lập, mua lại, mở rộng, điều hành, triển khai, vận hành, kinh doanh. Điều đó sẽ tạo cơ hội cho các nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận thị trường Việt Nam nhanh hơn.

Phát triển chuỗi cung ứng hàng hóa: Để tận dụng được tốt các ưu đãi thuế quan, hàng hóa của các nước tham gia FTA phải đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng hàng xuất khẩu. Như vậy, sẽ thúc đẩy việc xây dựng và hoàn thiện chuỗi cung ứng hoàn chỉnh từ thiết kế, nguyên phụ liệu, marketing, phân phối tại các nước tham gia FTA.

Thu hút đầu tư: FTA có tác động thúc đẩy hình thành sự lưu chuyển các dòng vốn đầu tư vào sản xuất và xuất khẩu hàng hóa. Do các cam kết trong các FTA thế hệ mới đảm bảo lợi ích

cao và cạnh tranh bình đẳng, hướng tới phát triển bền vững và hỗ trợ tăng trưởng, các nhà đầu tư cùng các thị trường đầu tư mới xuất hiện nên dòng vốn đầu tư lưu chuyển nhanh và mạnh hơn. Theo đó, đã tạo cơ hội lớn cho các nhà đầu tư nước ngoài có thể mạnh dạn đầu tư vào thị trường tiềm năng như Việt Nam. Việc đó tạo nên nguồn vốn FDI lớn cho sự phát triển cho nền kinh tế, đồng thời cũng góp phần giúp cho Việt Nam tiếp cận được các công nghệ, kỹ thuật hiện đại, hạn chế bớt các công nghệ lạc hậu, thúc đẩy phát triển công nghệ xanh, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường.

Nhờ các FTA được ký kết, Việt Nam đã thu hút được FDI từ các đối tác có FTA với Việt Nam. Theo đó, trong 139 quốc gia, vùng lãnh thổ có dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam, đứng đầu là những nền kinh tế có quan hệ FTA với Việt Nam, như: Hàn Quốc (đứng thứ nhất) với tổng vốn đăng ký trên 70,6 tỉ USD (chiếm 18,4% tổng vốn đầu tư); Nhật Bản (đứng thứ hai) với gần 60,3 tỉ USD (chiếm 15,7% tổng vốn đầu tư); tiếp đến là Singapore, Trung Quốc...

Về thách thức

Bên cạnh những mặt tích cực, việc tham gia các FTA cũng là áp lực lớn cho doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh của Việt Nam. Cụ thể, không chỉ hàng Việt Nam “xuất ngoại”, mà hàng ngoại cũng “đổ bộ” vào nước ta thuận lợi hơn nhờ ưu đãi từ các FTA. Bởi xét về mặt nguyên tắc, tham gia FTA có nghĩa là mở cửa cho hàng hóa nước ngoài vào thị trường trong nước, ngược lại, hàng hóa trong nước dễ dàng tiếp cận với thị trường thế giới hơn. Về cơ bản, có một số thách thức sau khi Việt Nam tham gia các FTA thế hệ mới.

Phải đáp ứng yêu cầu cao về công nghệ: Đây vừa là thuận lợi, vừa là khó khăn trong phát triển xuất khẩu hàng hóa, Việt Nam chưa thực sự phát triển về lĩnh vực công nghiệp, năng suất còn thấp, công nghệ chưa cao. Để đảm bảo các quy định về kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, môi trường đối với xuất khẩu hàng hóa cần phải đáp ứng các yêu cầu về công nghệ trong sản xuất. Như vậy, cần đầu tư mạnh vào công nghệ, máy móc thiết bị tiên tiến, hiện đại, đây là một thách thức rất lớn đối với Việt Nam trong sản xuất và xuất khẩu hàng hóa.

Nước nhập khẩu sử dụng biện pháp tự vệ: Các biện pháp tự vệ là một hình thức “van an toàn” mà hầu hết các nước nhập khẩu là thành viên WTO đều mong muốn. Với chiếc van này, nước nhập khẩu có thể ngăn chặn tạm thời luồng nhập khẩu để giúp ngành sản xuất nội địa tránh những đổ vỡ trong một số trường hợp đặc biệt khó khăn. Biện pháp này như một hình thức giúp bảo hộ nền sản xuất của các nước khi tham gia FTA. Khi đó, nước xuất khẩu sẽ chịu thiệt hại về kinh tế do không được hưởng các ưu đãi về thuế suất quy định trong các FTA gây ra những khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa tại nước đó.

Tạo ra sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (FDI) với doanh nghiệp trong nước: Tham gia các FTA sẽ thu hút nhiều vốn FDI vào các lĩnh vực sản xuất, đây là một thách thức lớn đối với ngành sản xuất trong nước. Các nhà đầu tư nước ngoài có lợi thế về cả tài chính, công nghệ và thị trường. Với những lợi ích thu được từ các cam kết trong FTA, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ đầu tư vào các ngành sản xuất trong nước. Các doanh nghiệp nước ngoài sẽ dịch chuyển nhà máy từ nhiều quốc gia sang các nước được đầu tư, gây ra áp lực cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước. Khi đó, các sản phẩm hàng hóa trong nước sẽ bị

cạnh tranh khốc liệt với các sản phẩm của các doanh nghiệp FDI, đặc biệt là cạnh tranh về giá và chất lượng sản phẩm.

Cần đáp ứng các điều kiện về lao động, môi trường: Những tiêu chuẩn về lao động và môi trường ở mức độ cao cũng là một trong những khó khăn lớn đối với xuất khẩu hàng hóa Việt Nam khi tham gia các FTA thế hệ mới. Để tránh cạnh tranh không bình đẳng thông qua việc không đảm bảo các điều kiện làm việc cơ bản cho người lao động, các FTA thế hệ mới thường đưa ra những cam kết riêng về lao động. Tuy nhiên, việc chuyển đổi để đáp ứng các tiêu chuẩn về lao động cần có khoảng thời gian nhất định, do đó đáp ứng quy định về lao động để được hưởng các ưu đãi cũng là một thách thức với các ngành sản xuất hàng hóa ở Việt Nam. Ngoài ra, trong các FTA, những vấn đề môi trường có liên quan đến thương mại đã được đưa vào thành những nghĩa vụ cam kết mang tính ràng buộc và bắt buộc các nước thành viên phải thực thi thông qua việc sử dụng công cụ về kinh tế. Để thực hiện các điều khoản về môi trường, Việt Nam cần điều chỉnh về chính sách, luật pháp liên quan đến môi trường nhằm khắc phục những bất cập trong việc bảo vệ môi trường khi sản xuất và xuất khẩu hàng hóa.

Hoàn thiện thể chế, khung khổ pháp lý tiếp cận các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế: Các cam kết trong các FTA chủ yếu đòi hỏi các nước thành viên phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung pháp luật nội địa trong những lĩnh vực liên quan phù hợp với cam kết chung, đồng thời phải nâng cao năng lực cạnh tranh không chỉ về năng lực mà cả về nguồn lực thực thi. Thực tế, khó khăn trong sửa đổi, điều chỉnh các thiết chế đang tồn tại theo các yêu cầu mới về thủ tục, trình tự trong các cam kết của các FTA. Bên cạnh các cam kết mang tính truyền thống, còn có những cam kết mang tính quy tắc, có ý nghĩa ràng buộc cách hành xử chính sách của các bên là rất lớn, trải rộng trên nhiều lĩnh vực liên quan tới thương mại, kinh doanh. Phần lớn các cam kết này đều phải thực hiện ngay khi FTA có hiệu lực, hoặc trong một thời hạn ngắn sau đó. Ngoài ra, việc thiết lập cơ chế bảo đảm thực hiện đồng bộ các nghĩa vụ cụ thể theo cam kết trong các FTA đối với Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn./.

TBT Bình Thuận tổng hợp



FTA

Nghị viện châu Âu thông qua đề xuất hoãn thực thi EUDR thêm một năm

(mekongasean.vn) Theo Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU, Nghị viện châu Âu đã bỏ phiếu thông qua đề xuất hoãn thực thi EUDR trong 12 tháng tại kỳ họp ngày 13 - 14/11/2024 với 371 phiếu thuận, 240 phiếu chống và 30 phiếu trắng.



Theo quy định EUDR sẽ cấm nhập khẩu 7 nhóm mặt hàng vào EU nếu quá trình sản xuất các mặt hàng này gây ra tình trạng mất rừng. Ảnh: Mekong ASEAN

Theo quyết định mới, các doanh nghiệp lớn sẽ phải tuân thủ Quy định chống phá rừng (EUDR) từ ngày 30/12/2025, trong khi các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ sẽ có thời gian đến ngày 30/6/2026. Thời gian bổ sung kéo dài 12 tháng này sẽ giúp các nhà vận hành trên toàn cầu có thời gian thực hiện quy định EUDR một cách thuận lợi ngay từ đầu mà không làm ảnh hưởng đến mục tiêu của quy định.

Trước đó, ngày 2/10/2024, Ủy ban châu Âu (EC) đã công bố đề xuất hoãn thực thi Quy định chống phá rừng (EUDR) thêm một năm so với dự kiến. Lý do được đưa ra trong thông báo là EC nhận thấy 3 tháng trước thời gian thực thi, một số đối tác toàn cầu đã nhiều lần bày tỏ lo ngại về việc sẵn sàng đáp ứng quy định của các doanh nghiệp. Thông báo này cũng nêu, các lo ngại này cũng đã được đưa ra trong tuần lễ Đại hội đồng Liên hợp quốc ở New York, Mỹ.

Ngoài ra, thông báo cho biết về mức độ sẵn sàng của các bên liên quan ở châu Âu cũng không đồng đều. Trong khi nhiều bên đã chuẩn bị kỹ lưỡng và tự tin sẽ đáp ứng kịp thời hạn, một số khác lại tỏ ra lo ngại về khả năng hoàn thành đúng hạn. Do đó, phía EC cho rằng, cần có thêm thời gian chuẩn bị là 12 tháng để các bên cùng sẵn sàng đáp ứng EUDR. Đề xuất này sẽ được trình lên Nghị viện châu Âu (EP) và phải được sự đồng ý của EP và các quốc gia thành viên của EU.

Tại kỳ họp, Nghị viện châu Âu cũng thông qua các sửa đổi khác, bao gồm việc tạo ra một danh mục quốc gia “không có rủi ro” về phá rừng, bên cạnh ba loại đã có là “thấp”, “chuẩn” và “cao” rủi ro.

Các quốc gia được xếp vào loại “không có rủi ro” được định nghĩa là các quốc gia có diện tích rừng ổn định hoặc đang phát triển, sẽ phải tuân thủ các yêu cầu ít nghiêm ngặt hơn do nguy cơ phá rừng gần như không tồn tại. Ủy ban châu Âu (EC) sẽ hoàn thành hệ thống phân loại quốc gia trước ngày 30/6/2025.

Quy định chống phá rừng - EUDR là gì?

Ngày 23/6/2023, EU ban hành Quy định chống phá rừng (EUDR) và có hiệu lực chính thức vào ngày 29/6/2023. Theo quy định EUDR sẽ cấm nhập khẩu 7 nhóm mặt hàng vào EU nếu quá trình sản xuất các mặt hàng này gây ra tình trạng mất rừng.

Mục tiêu của EUDR nhằm giảm thiểu rủi ro sản phẩm trong chuỗi cung ứng liên quan đến mất rừng, suy thoái rừng xuất nhập khẩu của EU; tăng nhu cầu mua bán sản phẩm hợp pháp, không liên quan gây mất rừng.

Theo EUDR, nông sản gây mất rừng được tính với mốc thời gian mất rừng từ ngày 31/12/2020 trở đi. Đồng thời, sản phẩm được coi là hợp pháp nếu quá trình sản xuất ra sản phẩm đó tuân thủ các quy định về đất đai, bảo vệ môi trường, sử dụng lao động, nhân quyền, các quy định về thuế, phí...

Để chứng minh, doanh nghiệp đưa sản phẩm vào lưu thông tại EU phải thu thập thông tin về chuỗi cung. Các thông tin liên quan doanh nghiệp giải trình như tên doanh nghiệp, địa chỉ, các nhà cung cấp, vị trí địa lý các lô thửa đất sản xuất nông nghiệp, mã HS các mặt hàng và sản phẩm, tên khoa học nơi các hàng hóa mà chúng đã được trồng để các mặt hàng này có thể được kiểm tra tuân thủ...

5 quy định chính của EU về nông sản chống phá rừng

Ngày 16-5-2023, Hội đồng châu Âu (EC) đã thông qua quy định cấm nhập khẩu những mặt hàng nông sản, gồm: Cà phê, đậu cò, đậu nành, gỗ và dẻ gỗ, gia súc, ca cao, cao su và một số sản phẩm phái sinh từ các quốc gia, vùng lãnh thổ mà quy trình sản xuất được thực hiện trên đất có nguồn gốc từ phá rừng và gây suy thoái rừng kể từ sau ngày 31-12-2020 vào thị trường EU.

- Định vị vùng trồng**
Định vị đến từng vùng trồng qua GPS, POLYGON
- Truy xuất nguồn gốc**
Truy xuất nguồn gốc sản phẩm đến từng lô/vườn
- Theo dõi bằng viễn thám**
Theo dõi diễn biến mất rừng bằng công cụ viễn thám
- Báo cáo giải trình**
Chứng minh không gây mất rừng bằng các báo cáo giải trình
- Đánh giá và giảm thiểu**
Đánh giá và giảm thiểu nguy cơ về vấn đề xã hội

Xuất khẩu sản phẩm Halal vào các nước Hồi giáo: Thị trường tiềm năng nhưng đầy thách thức

(Vneconomy.vn) Với vị thế nằm trong top 20 nước xuất khẩu thực phẩm hàng đầu thế giới, và là một trong 15 nước xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới; đồng thời cũng là mắt xích quan trọng trong nhiều chuỗi cung ứng toàn cầu, với 17 Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết, Việt Nam được đánh giá có tiềm năng xuất khẩu thực phẩm Halal...



Việc tham gia hiệu quả, bài bản vào thị trường Halal toàn cầu sẽ giúp Việt Nam khai mở thị trường Halal giàu tiềm năng.

Trong khuôn khổ của Triển lãm quốc tế công nghiệp thực phẩm Việt Nam 2024 – Vietnam Foodexpo 2024, ngày 14/11, Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) tổ chức hội thảo “Đẩy mạnh xúc tiến thương mại sản phẩm thực phẩm Halal” nhằm cập nhật tình hình xuất nhập khẩu và xúc tiến thương mại các mặt hàng Halal sang khu vực Đông Nam Á, Trung Đông - Châu Phi; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu thực phẩm Halal, dần đưa Việt Nam vào danh sách nguồn cung thực phẩm Halal tiêu biểu của toàn cầu.

XUẤT KHẨU SẢN PHẨM HALAL CÒN RẤT KHIÊM TỐN

Theo thông tin tại hội thảo, thị trường Hồi giáo hiện có khoảng trên 2 tỷ người, chiếm khoảng 25% tổng dân số toàn cầu. Đặc biệt, người dân theo đạo Hồi chiếm số đông ở khu vực Châu Á, nhất là trong khối ASEAN. Những năm qua, nhu cầu đối với các sản phẩm Halal ngày

càng gia tăng và đang trở thành xu hướng toàn cầu. Báo cáo của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO) cho thấy, chi tiêu cho thực phẩm Halal của cộng đồng Hồi giáo toàn cầu ngày càng tăng cao, dự kiến đạt 1.900 tỷ USD vào năm 2024 và 15.000 tỷ USD vào năm 2050.

Hơn nữa, sản phẩm Halal đang được nhiều người quan tâm chứ không chỉ cộng đồng Hồi giáo. Một số thị trường thông thường vẫn tích cực mua vì tính chất lượng, an toàn, bền vững của chứng nhận này. Ngược lại, doanh nghiệp có năng lực sản xuất được hàng Halal thì dễ tiếp cận được các thị trường khó tính.

Lãnh đạo Cục Xúc tiến thương mại cho biết: “Việt Nam được đánh giá có tiềm năng xuất khẩu thực phẩm Halal. Tiềm năng mở rộng xuất khẩu Halal của Việt Nam càng được thể hiện rõ hơn, khi Việt Nam đã nằm trong top 20 nước xuất khẩu thực phẩm hàng đầu thế giới, và là một trong 15 nước xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới; đồng thời là mắt xích quan trọng trong các chuỗi cung ứng toàn cầu, với 17 hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết, trong đó có nhiều FTA thế hệ mới, khu vực và liên khu vực đã được ký kết...”.

Tuy nhiên, xuất khẩu sản phẩm Halal của Việt Nam còn rất khiêm tốn. Năng lực xuất khẩu top 20 thế giới nhưng Việt Nam chưa có tên trong danh sách 20-30 nước cung cấp thực phẩm Halal toàn cầu. Lý giải về tình trạng này, lãnh đạo Cục Xúc tiến thương mại, cho rằng đến từ nguyên nhân doanh nghiệp Việt Nam chưa tận dụng hết được cơ hội do gặp phải một số khó khăn nhất định đối với sản xuất và xuất khẩu sản phẩm Halal như chi phí đầu tư cao, thông tin về văn hóa thị trường Halal, tiêu chuẩn Halal chưa nhiều.

Bên cạnh đó, Việt Nam còn phải đối mặt với sự cạnh tranh của nhiều quốc gia đã có kinh nghiệm và uy tín trong việc xuất khẩu các sản phẩm Halal. Chẳng hạn như mặt hàng thủy sản, đại diện Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), cho biết trên thị trường Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất (UAE), tôm Việt Nam phải cạnh tranh với tôm Ấn Độ, Trung Quốc, Ecuador. Trong đó, tôm Ấn Độ chiếm gần 60% -70% thị phần, Ecuador mới thâm nhập thị trường vài năm gần đây với 15% thị phần, trong khi tôm Việt Nam chỉ chiếm khoảng 5%-7% thị phần.

Ngoài ra, văn hóa tiêu dùng tại thị trường Trung Đông và châu Phi cũng có nhiều khác biệt so với Việt Nam, từ cách thức tiêu thụ sản phẩm, sở thích về hương vị, bao bì... cho đến phương thức quảng bá sản phẩm.

LỰA CHỌN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN HALAL UY TÍN ĐỂ DỄ DÀNG THÂM NHẬP CÁC THỊ TRƯỜNG HỒI GIÁO

Theo lãnh đạo Cục Xúc tiến thương mại, để sản phẩm Halal của doanh nghiệp có thể xuất khẩu sang các nước Hồi giáo, điều quan trọng là phải lựa chọn tổ chức chứng nhận Halal uy tín và được công nhận quốc tế. Một số tổ chức chứng nhận Halal tại Việt Nam tuy có thể cung cấp dịch vụ chứng nhận, nhưng nếu không được công nhận bởi các tổ chức quốc tế, chứng nhận của họ sẽ không có giá trị khi xuất khẩu vào nhiều nước Hồi giáo.

“Chứng nhận từ một tổ chức không uy tín, có thể khiến sản phẩm của doanh nghiệp bị từ chối nhập khẩu, hoặc phải trải qua quá trình kiểm định bổ sung, gây lãng phí thời gian và chi phí”, lãnh đạo Cục Xúc tiến thương mại cảnh báo.

Để tránh những rủi ro này, doanh nghiệp cần chọn các tổ chức chứng nhận Halal đã được công nhận bởi các cơ quan Halal hàng đầu như Bộ Phát triển Hồi giáo Malaysia (Jakim), Cơ quan tổ chức đảm bảo sản phẩm Halal của Indonesia (BPJPH), Bộ Công nghiệp và Công nghệ tiên tiến (MoIAT) của Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất (UAE) ... hoặc các tổ chức uy tín khác được chấp nhận tại các nước Hồi giáo.

Hiện nay, tại Việt Nam mới chỉ có 1 tổ chức được công nhận quốc tế bởi các tổ chức Hồi giáo nêu trên là Văn Phòng Chứng nhận Halal HCA Việt Nam. Trong khi đó, việc cung cấp thông tin về thị trường Halal, quy định tiêu chuẩn sản phẩm Halal còn khá hạn chế, nên doanh nghiệp vẫn còn loay hoay trong việc chọn tổ chức chứng nhận.

“Tổ chức chứng nhận Halal có uy tín, được công nhận quốc tế sẽ giúp sản phẩm của doanh nghiệp không chỉ dễ dàng được chấp nhận tại các thị trường Hồi giáo mà còn giúp tạo uy tín, nâng cao vị thế thương hiệu trên thị trường quốc tế”, đại diện Văn phòng Chứng nhận Halal nhấn mạnh.

Theo khuyến nghị của các chuyên gia, doanh nghiệp Việt Nam cũng cần xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các đối tác bản địa tại thị trường xuất khẩu, đây cũng là yếu tố có vai trò quan trọng để tiếp cận hiệu quả thị trường Trung Đông và châu Phi nói riêng, thị trường Halal toàn cầu nói riêng.

Với vai trò cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, Cục Xúc tiến thương mại cho biết thời gian qua, Cục cũng đang chú trọng tăng cường hỗ trợ và phối hợp với các hiệp hội, địa phương, doanh nghiệp và các cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại như tập huấn, hội thảo, hội nghị, giao thương, hội chợ triển lãm... nhằm hỗ trợ tích cực cho doanh nghiệp Việt Nam trong việc tìm hiểu thông tin, tiếp cận thị trường, tìm kiếm bạn hàng để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm xuất khẩu Halal của Việt Nam.

Việc tham gia hiệu quả, bài bản vào thị trường Halal toàn cầu sẽ giúp Việt Nam khai mở thị trường Halal giàu tiềm năng, tạo thêm động lực mới cho phát triển kinh tế bền vững của đất nước.

Ngày 14/2/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 10/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế để xây dựng và phát triển ngành Halal Việt Nam đến năm 2030”. Đây là đề án đầu tiên có ý nghĩa quan trọng, đưa ra định hướng lớn mang tầm quốc gia về huy động các nguồn lực quốc tế để xây dựng và phát triển ngành Halal Việt Nam bài bản, chuyên nghiệp, toàn diện, giúp doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu, hiệu quả vào chuỗi sản xuất, cung ứng sản phẩm Halal toàn cầu.

Ngày 24/4/2024, Trung tâm Chứng nhận Halal quốc gia Việt Nam - HALCERT (Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ) được thành lập, góp phần thống nhất quản lý nhà nước về chứng nhận Halal, tạo điều kiện thuận lợi và giúp doanh nghiệp Việt Nam tiết kiệm chi phí để thâm nhập hiệu quả vào thị trường Halal toàn cầu.

Huyền Vy

Xuất khẩu hàng hóa Bình Thuận: Thị trường châu Á vẫn chiếm tỷ trọng lớn

Hoạt động xuất khẩu hàng hóa Bình Thuận đang cho thấy có sự tăng tốc khi bước vào giai đoạn nước rút cuối năm nay. Theo đó tính riêng kim ngạch xuất khẩu trong tháng 10/2024, ước đạt 81,6 triệu USD, tăng 9,45% so với tháng trước và tăng 24,43% so cùng kỳ năm ngoái.

Đáng ghi nhận trong tháng 10 vừa qua, xuất khẩu hàng hóa Bình Thuận của cả 3 nhóm hàng chủ lực đều thể hiện mức tăng 2 con số so với cùng kỳ năm 2023. Cụ thể, nhóm hàng thủy sản ước đạt 23,1 triệu USD (tăng 14,12%), nhóm hàng nông sản thực hiện đạt 1,8 triệu USD (tăng 14,28%), nhóm hàng hóa khác ước khoảng 56,8 triệu USD (tăng 29,55%)... Như vậy từ đầu năm 2024 đến nay, hoạt động xuất khẩu hàng hóa đã đem về cho địa phương gần 630 triệu USD và tăng 7,39% so cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, nhóm hàng thủy sản đạt 171,7 triệu USD (giảm 1,45% so cùng kỳ), nhóm hàng nông sản đóng góp 12,95 triệu USD (tăng 5,69%) nhóm hàng hóa khác thực hiện được 444,3 triệu USD (tăng 11,3%).



Sản phẩm may mặc có đóng góp đáng kể vào kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của tỉnh (ảnh minh họa).

Đối với xuất khẩu trực tiếp, qua 10 tháng của năm 2024 cho thấy châu Á vẫn là thị trường chiếm tỷ trọng lớn của hàng hóa Bình Thuận (đạt 469,8 triệu USD và chiếm 74,33% giá trị kim ngạch xuất khẩu). Tiếp đến thị trường châu Mỹ đạt 101,9 triệu USD (chủ yếu là Mỹ, Canada), thị trường châu Âu đạt 46,9 triệu USD (tăng 33,6% so cùng kỳ)... Hiện hàng hóa Bình Thuận cũng đã xuất sang một số quốc gia và vùng lãnh thổ với tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch toàn tỉnh như Nhật Bản chiếm 31,2% (mặt hàng chủ yếu là tôm, cá, thủy sản khác, dệt may, giấy), Đài Loan chiếm 9,91% (bộ quần áo, thủy sản khác...), Mỹ chiếm 8,75% (giày dép, hạt điều, thủy sản...), Trung Quốc chiếm 7,79% (thủy sản, giày dép, các loại quặng...)...

Đ.QUỐC

'Xanh hóa' để làm chủ 'cuộc chơi' trong Hiệp định RCEP

(Congthuong.vn) RCEP mang đến cơ hội lớn cho ngành hàng, nhưng cũng đòi hỏi doanh nghiệp phải chuyển đổi xanh để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và cạnh tranh bền vững.

Coi "tiêu chuẩn xanh" là động lực

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Hiệp định RCEP) là hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa 10 nước ASEAN và 5 đối tác là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia và New Zealand. Hiệp định chiếm khoảng 30% của tổng sản phẩm nội địa GDP toàn cầu, trở thành một khối thương mại lớn nhất trong lịch sử.

Với Việt Nam, Hiệp định RCEP chính thức có hiệu lực từ ngày 1/1/2022. Đây là một trong số 17 FTA mà Việt Nam tham gia. Các FTA đang mang đến những điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp để mở rộng thị trường xuất khẩu. Cùng với đó, các FTA cũng đem lại những ưu đãi thuế dành cho hàng hóa Việt Nam có nguồn gốc phù hợp được chứng nhận, sản xuất bền vững và minh bạch thông tin. Do vậy, để tận dụng tối đa các ưu đãi thương mại từ thị trường FTA, doanh nghiệp cần phải đổi mới mọi hoạt động, trong đó có những tiêu chuẩn "xanh hoá".



Dệt may là một trong những ngành hàng sản xuất và xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Ảnh: Đức Vũ

Ngành dệt may và da giày là hai ngành hàng sản xuất và xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Thời gian qua, hai ngành hàng này đã có nhiều đóng góp quan trọng, không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu, góp phần gia tăng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam với mức tăng trưởng bình quân trên 10%/năm.

Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu dệt may đạt trên 44 tỷ USD, còn da giày đạt trên 28 tỷ USD. 10 tháng năm 2024, xuất khẩu dệt may đạt 36,11 tỷ USD, tăng 9,86% so với cùng kỳ. Năm 2024, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng nặng nề của suy thoái kinh tế thế giới nhưng xuất khẩu của dệt may dự kiến vẫn đạt 44 tỷ USD và da giày đạt 27 tỷ USD.

Số liệu của Hiệp hội Da giày - Túi xách Việt Nam (LEFASO) cũng cho thấy, 10 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu ngành da giày đạt khoảng 13 tỷ USD, tăng 10% so với cùng kỳ năm ngoái. Hiện, giày dép Việt Nam đã có mặt ở 150 thị trường như Mỹ, EU, Nhật Bản, Anh...



Yêu cầu về bền vững và cạnh tranh đã thúc đẩy các doanh nghiệp dệt may Việt Nam chuyển đổi xanh. Ảnh: Giang Linh

Kết quả trên đạt được nhờ việc tận dụng tốt các FTA, nhất là ở khối các thị trường có Hiệp định RCEP, FTA - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

Theo ông Lê Xuân Thịnh - Giám đốc Công ty TNHH Trung tâm Sản xuất sạch hơn Việt Nam (VNCPC), chuỗi giá trị dệt may, da giày hiện nay đã tham gia sâu rộng vào trong chuỗi giá

trị toàn cầu. Phần lớn các sản phẩm dệt may của Việt Nam xuất khẩu đến hơn 100 thị trường và đây cũng chính là sức ép mà hiện nay các doanh nghiệp dệt may đang gặp phải.

Trong quá trình tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, sức ép lớn nhất là về xu hướng. Phải đáp ứng các nhu cầu, yêu cầu về môi trường, hay như chúng ta hiện nay đang nói là "xanh hóa" sản phẩm, cũng như giảm phát thải khí nhà kính, phù hợp với tình trạng biến đổi khí hậu hiện nay. *"Chúng ta muốn phát triển bền vững, muốn đi được dài hơn, phải có các lộ trình cắt giảm các chi phí liên quan đến nguyên vật liệu, tài nguyên, nước và có những biện pháp để tái chế, tuần hoàn, giúp doanh nghiệp cắt giảm các chi phí và phù hợp hơn với tiêu chuẩn môi trường, cũng như sức ép đòi hỏi từ người tiêu dùng hiện nay"*, ông Thịnh chia sẻ.

Triển khai các giải pháp bền vững

Mặc dù, da giày là một trong các ngành công nghiệp truyền thống của Hải Phòng, song ông Nguyễn Công Hân - Phó Giám đốc Sở Công Thương TP. Hải Phòng - cho biết, giày dép, túi xách xuất khẩu mới chỉ tăng về lượng, chưa tăng nhiều về chất. Khả năng đáp ứng các quy định đối với mặt hàng này theo cam kết trong các FTA chưa cao... Những điều này dẫn đến nguy cơ làm giảm sự cạnh tranh của ngành giày dép trên thị trường quốc tế.

Theo các chuyên gia, cơ hội và tiềm năng phát triển ngành da, giày và túi xách Việt Nam còn rất lớn. Tuy nhiên, xu hướng "xanh hóa" trên thế giới đang đòi hỏi ngày càng khắt khe đối với doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp xuất khẩu. Đối với doanh nghiệp ngành da giày, áp lực chuyển đổi xanh càng rất lớn khi dệt may và da giày là ngành gây ô nhiễm môi trường còn ở mức cao.

Để tuân thủ các quy định này, bà Phan Thị Thanh Xuân - Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hiệp hội Da giày - Túi xách Việt Nam - cho rằng, doanh nghiệp Việt Nam phải nâng cấp rất nhiều nhằm củng cố năng lực nội tại. Cần nhanh chóng cải thiện minh bạch thông tin chuỗi cung ứng sản phẩm của mình bắt đầu từ khâu nguyên liệu, sản xuất bền vững hướng đến kinh tế tuần hoàn, có trách nhiệm với xã hội và môi trường.

Cùng với đó, Hiệp hội Da giày - Túi xách Việt Nam đề xuất, Nhà nước cần ban hành những chính sách phù hợp để khuyến khích các doanh nghiệp chuyển đổi, xây dựng được hệ tiêu chuẩn, quy chuẩn đồng nhất. Bởi trong quá trình chuyển đổi xanh hóa, nhiều yêu cầu được đặt ra sẽ gây phát sinh chi phí tuân thủ lớn cho các doanh nghiệp. Khi có giải pháp tổng thể, các doanh nghiệp sẽ nhìn nhận được toàn diện và xây dựng được các tiêu chuẩn tuân thủ rõ ràng, giúp các doanh nghiệp có cơ sở để nắm bắt, thực thi chuẩn xác.

Mặt khác, Nhà nước cần có cơ chế hỗ trợ đặc thù, chính sách cụ thể về quỹ đất, khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ, quỹ tài chính về môi trường... để doanh nghiệp "sản xuất xanh" có thể tiếp cận các nguồn quỹ này thuận lợi, giúp tăng cường tiềm lực, đẩy nhanh quá trình đầu tư và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế...

Chí Tâm

Thích ứng các tiêu chuẩn bền vững để thúc đẩy xuất khẩu xanh

(Tapchitaichinh.vn) Chuyển đổi xanh không chỉ giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro bị loại khỏi các thị trường xuất khẩu quan trọng mà còn tạo cơ hội xây dựng thương hiệu bền vững, nâng cao giá trị sản phẩm và tiếp cận các phân khúc khách hàng cao cấp trên toàn cầu. Bởi vậy, để phát triển bền vững, các doanh nghiệp xuất khẩu cần thích ứng với các tiêu chuẩn bền vững để thúc đẩy xuất khẩu xanh.



Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội lớn để trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Ảnh: internet

Điều kiện tiên quyết

Phát triển xanh không chỉ là mục tiêu, mà còn là động lực để tạo nên một nền kinh tế hiện đại, bền vững, góp phần gia tăng giá trị xuất khẩu, bảo vệ môi trường và nâng cao vị thế quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu. Đây là bước đi chiến lược để Việt Nam củng cố vị thế trong chuỗi giá trị quốc tế, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, giảm tác động tiêu cực đến môi trường và nâng cao khả năng cạnh tranh của cả nền kinh tế.

Theo Thứ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Sinh Nhật Tân, tăng trưởng xanh và bền vững không chỉ là một xu hướng tất yếu mà đã trở thành điều kiện tiên quyết để duy trì năng lực cạnh tranh và bảo đảm sự phát triển lâu dài của các nền kinh tế. Những chính sách quan trọng như Thỏa thuận xanh châu Âu (European Green Deal), Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM), Kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn (Circular Economy Action Plan) hay Chiến lược đa dạng sinh học đến năm 2030 đang có ảnh hưởng lớn đến phương thức tăng trưởng, hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư trên thế giới.

Các chính sách trên không chỉ tập trung vào mục tiêu giảm phát thải mà còn đặt ra các tiêu chuẩn khắt khe hơn về trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường, yêu cầu các nước xuất khẩu phải thay đổi phương thức sản xuất và cách tiếp cận để đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao.

Thứ trưởng cho rằng, Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội lớn để trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt trong lĩnh vực xuất khẩu hàng hóa xanh và bền vững, đẩy mạnh đầu tư vào năng lượng tái tạo, sản xuất sạch hơn, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn. Việc chuẩn bị nguồn hàng xuất khẩu của Việt Nam thích ứng hiệu quả với những tiêu chuẩn bền vững là sống còn đối với nền kinh tế Việt Nam.

Việc nắm bắt cơ hội này không chỉ giúp Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế mà còn góp phần nâng cao vị thế quốc gia, hiện thực hóa cam kết đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu. Sự chuyển đổi này đòi hỏi một chiến lược đồng bộ, bao gồm từ định hướng của Chính phủ thông qua các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ, sự chủ động của doanh nghiệp trong đầu tư thực hiện các giải pháp chuyển đổi xanh và tinh thần hợp tác đồng hành của các bên liên quan.

Kịp thời thích ứng

Tại Diễn đàn Xúc tiến xuất khẩu Việt Nam 2024 với chủ đề “Xúc tiến xuất khẩu xanh” do Bộ Công Thương tổ chức sáng nay, PGS. TS. Nguyễn Đình Thọ - Viện trưởng Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường) cho rằng, các yêu cầu mới về tiêu chuẩn bền vững của Liên minh châu Âu (EU) đã đi vào hiệu lực từ tháng 1/2024 và thể chế hóa bằng luật của các nước thành viên vào tháng 6/2024 đến nay đã có hiệu lực. Trong bối cảnh này, nếu các doanh nghiệp Việt Nam không thực hiện và tuân thủ thì trong thời gian tới sẽ bị loại khỏi thị trường.

Theo PGS. TS. Nguyễn Đình Thọ, các doanh nghiệp cần ghiên cứu tiếp cận ESG và yêu cầu của báo cáo phát triển bền vững, nắm vững các tiêu chuẩn và khung báo cáo ESG, theo sát lộ trình báo cáo ESG và rào cản kỹ thuật ESG và yêu cầu báo cáo phát triển bền vững trong từng lĩnh vực. Đồng thời, cần thực hiện báo cáo ESG tự nguyện và thiết lập hệ thống quản lý chất lượng tổng hợp đáp ứng yêu cầu ESG và báo cáo phát triển bền vững theo lộ trình yêu cầu của từng ngành hàng.

Doanh nghiệp xuất khẩu cũng cần thực hiện kiểm kê, báo cáo, xác nhận phát thải; xây dựng dự án tạo tín chỉ cacbon để huy động nguồn lực tài chính khí hậu; chuẩn bị sẵn sàng cho

tín chỉ nhựa (dấu chân nhựa), tín chỉ đa dạng sinh học (dấu chân đa dạng sinh học)... để kịp thời thích ứng.

Cùng quan điểm trên, ông Nguyễn Bá Hùng - Chuyên gia kinh tế trưởng Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tại Việt Nam khuyến nghị, doanh nghiệp phải tự mình thực hiện công cuộc chuyển đổi xanh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để xanh hóa nguồn tài chính đầu tư vào doanh nghiệp từ các ngân hàng, tổ chức tín dụng. Theo ông Hùng, nếu không nghiêm túc với công cuộc này, rủi ro về sụt giảm và mất thị trường với doanh nghiệp là rất cao.

Chuyên gia kinh tế trưởng ADB khuyến nghị, doanh nghiệp Việt Nam cần triển khai báo cáo xanh bền vững, chủ động triển khai để nắm rõ quy mô phát thải và định hình bước đi tiếp theo. Từ đó nâng cao năng lực quản trị, kinh doanh bền vững. Doanh nghiệp cũng cần xanh hóa các nguồn tài chính hiện có, đánh giá mức độ phát thải theo chuẩn của ngành để điều chỉnh về công nghệ để tăng sức cạnh tranh.

Nhấn mạnh tiêu chuẩn xanh, phát triển bền vững đã có từ lâu và đến hiện nay đã được tiêu chuẩn hóa, trở thành quy định bắt buộc của thị trường, ông Vũ Bá Phú - Cục trưởng Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) cho rằng, các doanh nghiệp cần định vị trong thời gian tới khi xuất khẩu vào EU cần sự chuẩn bị hết sức nhanh chóng, để trong giai đoạn tới (2026-2028) có thể đáp ứng được các yêu cầu liên quan tới chuyển đổi xanh...

Cục trưởng Cục Xúc tiến thương mại khẳng định, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện các cơ chế chính sách để hỗ trợ doanh nghiệp, cũng như đưa ra các tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn phát triển bền vững cho từng ngành, từng lĩnh vực ngay cả tại thị trường Việt Nam để không chỉ doanh nghiệp nội mà cả các sản phẩm nhập khẩu vào Việt Nam phải tuân thủ các yêu cầu xanh và bền vững.

Trần Huyền

Tận dụng Hiệp định CPTPP, dệt may tăng xuất khẩu sang thị trường mới

(Congthuong.vn) Nhờ có Hiệp định CPTPP, doanh nghiệp dệt may trong nước không chỉ tăng được thị phần mà còn tăng kim ngạch xuất khẩu sang những thị trường mới.

Năm 2024 được ghi nhận vượt khó thành công của các doanh nghiệp ngành dệt may. Sau một năm tăng trưởng âm, ngành dệt may đã nhanh chóng quay trở lại "đường đua" với kim ngạch xuất khẩu tháng 10/2024, đạt 3,21 tỷ USD/tháng, tăng 7,8% so với tháng trước. Tính chung trong 10 tháng/2024, trị giá xuất khẩu nhóm hàng này đạt 30,57 tỷ USD, tăng 10,5% (trung ứng tăng 2,9 tỷ USD) so với cùng kỳ năm trước.



Doanh nghiệp dệt may tận dụng ưu đãi đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường khối Hiệp định CPTPP. Ảnh: Hải Linh

Theo ông Vũ Đức Giang - Chủ tịch Hiệp hội Dệt may Việt Nam, doanh nghiệp dệt may đã tận dụng tốt các hiệp định thương mại tự do là yếu tố quan trọng giúp ngành phục hồi nhanh. Hầu hết doanh nghiệp trong ngành dệt may đã có đơn hàng quý I/2025 và đang đàm phán đơn hàng quý II/2025.

Riêng với khối thị trường thuộc Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP), không chỉ trong năm 2024, những năm gần đây chứng kiến bước tăng trưởng mạnh mẽ. Bên cạnh thị trường truyền thống và lớn như Nhật Bản, doanh nghiệp còn tiếp cận tốt với các thị trường mới và khó tính như Canada, New Zealand, Mexico.

Số liệu từ Tổng cục Hải quan cũng cho thấy, kim ngạch xuất khẩu 10 tháng sang 9 thị trường khối Hiệp định CPTPP (trừ Việt Nam) khá khả quan. Trong đó, dẫn đầu là Nhật Bản với 3,54 tỷ USD; Canana trên 996,8 triệu USD; Australia 446,2 triệu USD; Mexico 173,7 triệu USD; Malaysia 133,3 triệu USD; Singapore 98,5 triệu USD, Chile 59,5 triệu USD, New Zealand 46 triệu USD; Peru 10,9 triệu USD.

Bên cạnh sản xuất, xuất khẩu hàng may mặc, Hiệp định CPTPP áp dụng quy tắc xuất xứ từ sợi trở đi, đã mang đến cơ hội để thúc đẩy công nghiệp kéo sợi và dệt nhuộm của Việt Nam. Theo quan điểm của ông Giang, nếu không có áp lực này ngành sợi của Việt Nam cứ "bình chân như vại" và đi sau một số nước khác. Chính nhờ Hiệp định này đã tạo ra yêu cầu đầu tư

vào công nghiệp kéo sợi và dệt nhuộm, từ khi Hiệp định CPTPP đi vào thực thi ngành công nghiệp kéo sợi và dệt nhuộm tăng trưởng rất mạnh.

Đặc biệt, các nhà đầu tư nước ngoài có mong muốn đến Việt Nam đầu tư sản xuất để tận dụng quy tắc xuất xứ lợi thế từ Việt Nam bán hàng cho các nhãn hàng nhập khẩu vào thị trường EU, CPTPP. Thời gian qua, nhiều doanh nghiệp lớn của nước ngoài như Text Hong, New Wide, Weixing, Bros Eastern, Jehong Textile... cùng doanh nghiệp lớn của Việt Nam như Tập đoàn Cát Tường đã đầu tư sản xuất sợi, sản xuất vải, sản xuất phụ liệu, đầu tư nhà máy nhuộm, đầu tư khu công nghiệp sinh thái dệt may tại Việt Nam.

Lãnh đạo Hiệp hội Dệt may Việt Nam cũng cho rằng, Hiệp định CPTPP đã định hình một xu thế phát triển đa dạng hóa thị trường có tính toàn cầu và cũng là mục tiêu mà Hiệp hội định hình trong 5 năm qua. Đó là đa dạng hóa thị trường, đa dạng hóa đối tác, khách hàng và đa dạng hóa sản xuất các mặt hàng.

Mặt khác, việc các nước đưa ra các yêu cầu, tiêu chuẩn khắt khe cho hàng nhập khẩu vào khối CPTPP, cũng như việc mua hàng trong bối cảnh thị trường châu Âu và Hoa Kỳ đặt ra, đòi hỏi ngành dệt may phải thay đổi xu hướng phát triển bền vững, phải tập trung vào sản phẩm phải có tái chế, sản phẩm thân thiện với môi trường...



Hiệp định CPTPP tạo áp lực cho doanh nghiệp dệt may phát triển nguồn cung nguyên phụ liệu. Ảnh: Hải Linh

Cũng theo ông Giang, có ba thách thức lớn doanh nghiệp Việt đang đối mặt khi thực thi Hiệp định CPTPP. Đầu tiên là các tiêu chuẩn đánh giá. Hiện nay, ngành dệt may và các doanh nghiệp trong ngành đang chịu áp lực lớn về các tiêu chuẩn đánh giá, mỗi nhãn hàng đặt ra một tiêu chuẩn đánh giá khác nhau về tính ổn định, tính bền vững và tính minh bạch trong chính sách lao động. Do đó, các nước thành viên Hiệp định CPTPP cần xem xét để đưa ra một tiêu chuẩn đánh giá thống nhất trong khối, giúp giảm áp lực cho doanh nghiệp khi phải đáp ứng những tiêu chuẩn đánh giá khác nhau của các nhãn hàng, nhà nhập khẩu.

Thách thức thứ hai liên quan đến các tiêu chuẩn kép. Hiện nay, một loạt những tiêu chuẩn kép đặt ra những thách thức trong vấn đề bán hàng của doanh nghiệp Việt Nam vào thị trường khối CPTPP.

Thách thức thứ ba là vấn đề mua hàng và phương thức thanh toán. Bây giờ, hầu hết các nhãn hàng trên toàn cầu, trong đó, có các nhãn hàng trong khối CPTPP mua hàng của doanh nghiệp dệt may Việt Nam và rủi ro trong thanh toán là một thách thức lớn.

"Trước đây còn áp dụng phương thức thanh toán L/C (Letter of Credit) nhưng bây giờ, tất cả thanh toán bằng phương thức TT trả chậm 40 ngày, 60 ngày, 80 ngày, thậm chí có những đơn hàng yêu cầu doanh nghiệp phải chấp nhận trả chậm thanh toán 120 ngày. Đây là áp lực rất lớn cho chúng tôi" - ông Giang thông tin và cho biết, các doanh nghiệp ngành dệt may Việt Nam phải đàm phán với các nhà mua hàng để hạn chế rủi ro tối thiểu nhất cho chính các doanh nghiệp.

Hải Linh



TBT Việt Nam cảnh báo dự thảo sửa đổi Báo cáo và giới hạn sản phẩm an toàn của Hoa Kỳ

Nhằm thực hiện cảnh báo sớm cho Hiệp hội, doanh nghiệp và các cơ quan liên quan về các hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của các nước thành viên WTO, Văn phòng TBT Việt Nam xin gửi thông tin liên quan tới dự thảo Vòng 2 Báo cáo sản phẩm ưu tiên của Hoa Kỳ (mã thông báo G/TBT/N/USA/1958/Add.4). Đây là sửa đổi mới nhất đối với dự thảo Báo cáo và giới hạn sản phẩm an toàn trong Luật quản lý của bang Washington (WAC).

Dự thảo là một chương mới của Luật nhằm giảm thiểu các hóa chất độc hại trong một loạt sản phẩm tiêu dùng như dệt may, da, đồ gỗ... Văn bản đầy đủ của dự thảo Báo cáo đề nghị xem tại <https://apps.ecology.wa.gov/publications/documents/2404050.pdf>. Thời gian đóng góp ý kiến đối với dự thảo sẽ kết thúc vào ngày 16/12/2024.

Văn phòng TBT Việt Nam trân trọng gửi Quý Cơ quan, đơn vị thông tin và đề nghị phản hồi cho Văn phòng TBT Việt Nam trước ngày 10/12/2024 trong trường hợp có góp ý đối với Dự thảo nêu trên của Hoa Kỳ. Ý kiến của Quý cơ quan sẽ được Văn phòng TBT Việt Nam tổng hợp gửi cho cơ quan liên quan của Hoa Kỳ để xem xét, tiếp thu. Mọi thông tin phản hồi xin gửi về Văn phòng TBT Việt Nam, số 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, điện thoại 02437912145, bản mềm về email: tbtvn@tcvn.gov.vn

TBT Việt Nam cảnh báo đối với dự thảo của EU về yêu cầu thiết kế sinh thái đối với bộ cấp nguồn ngoài, sạc, cáp sạc



Nhằm thực hiện cảnh báo sớm cho Hiệp hội, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý có liên quan về các hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của các nước thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Văn phòng TBT Việt Nam

xin gửi thông tin liên quan tới dự thảo của Liên minh Châu Âu (EU) về yêu cầu thiết kế sinh thái đối với bộ cấp nguồn ngoài, sạc, cáp sạc như sau:

Ngày 19/11/2024, EU đã gửi thông báo mã G/TBT/N/EU/1095 về dự thảo Quy định Ủy ban (EC) quy định các yêu cầu thiết kế sinh thái đối với bộ cấp nguồn ngoài (sau đây gọi chung là EPS), sạc không dây, đế sạc không dây, sạc dành cho pin di động sử dụng cho mục đích chung, cáp USB Loại-C theo Chỉ thị 2009/125/EC của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu, và bãi bỏ Quy định Ủy ban số 2019/1782. Các nội dung cụ thể được đề xuất trong Dự thảo gồm:

- Bổ sung vào phạm vi điều chỉnh của dự thảo sạc không dây và sạc pin dùng cho pin di động sử dụng cho mục đích chung như được định nghĩa tại Quy định (EU) 2023/1542 liên quan tới các yêu cầu về khả năng tương thích và giới hạn tiêu thụ ở chế độ chờ (stand-by) đối với sạc không dây và đế sạc không dây;
- Mở rộng phạm vi điều chỉnh của dự thảo đối với cáp USB Loại-C để giới hạn mức tổn hao năng lượng và thông tin cho người tiêu dùng về công suất tối đa được hỗ trợ; - Mở rộng định nghĩa về EPS mà trước đây chỉ giới hạn ở các loại sạc có công suất đầu ra thấp hơn 250W và các loại sử dụng cho một số sản phẩm nhất định (Phụ lục I, Quy định số 2019/1782) và bỏ các yêu cầu về khả năng tương thích đối với một số loại EPS (bao gồm EPS sử dụng trong điều kiện ẩm ướt, đồ chơi, các loại có phóng điện từ cao, các dụng cụ điện năng phổ biến, thiết bị vô tuyến, yêu cầu về công suất cực đại);
- Bắt buộc gắn logo “Sạc dùng chung” (Common Charger) của EU lên các loại sạc USB Loại-C (USB Type-C) để người tiêu dùng nắm được khả năng tương thích của sạc đó;
- Yêu cầu sạc USB Loại-C phải hoạt động được với dây cáp rời và có ghi dấu công suất được hỗ trợ tại mỗi cổng và không dùng cáp khi thử nghiệm sạc USB loại-C và nguồn điện USB PD và bổ sung hệ số hiệu chỉnh riêng nhằm đảm bảo điều kiện tương đối cho các EPS tương thích;
- Bổ sung yêu cầu đối với sạc USB Loại-C dùng cho nhiều loại sản phẩm không thuộc phạm vi của Chỉ thị Thiết bị Vô tuyến để tối đa khả năng tương thích và yêu cầu về hiệu suất công suất đầu ra;
- Tăng ngưỡng tiêu thụ điện năng tối thiểu;
- Làm rõ về điều kiện thử nghiệm (đặc biệt là với các loại nguồn điện thích ứng).

Văn bản đầy đủ của Dự thảo đề nghị tìm hiểu tại đường dẫn https://members.wto.org/crnattachments/2024/TBT/EEC/24_07871_00_e.pdf và https://members.wto.org/crnattachments/2024/TBT/EEC/24_07871_01_e.pdf

Văn phòng TBT Việt Nam trân trọng gửi Quý Cơ quan, đơn vị thông tin và đề nghị phản hồi cho Văn phòng TBT Việt Nam trước ngày 06/01/2025 trong trường hợp có góp ý đối với Dự thảo nêu trên của EU. Ý kiến của Quý cơ quan sẽ được Văn phòng TBT Việt Nam tổng hợp gửi cho cơ quan liên quan của EU để xem xét, tiếp thu. Ý kiến góp ý xin gửi về Văn phòng TBT Việt Nam, số 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, điện thoại 02437912145, bản mềm về email: tbtvn@tcvn.gov.vn.

TBT Việt Nam cảnh báo về Dự thảo Quy định của Chính phủ về việc thực hiện đảm bảo sản phẩm Halal của Indonesia

Văn phòng TBT Việt Nam cảnh báo về Dự thảo Quy định của Chính phủ về việc thực hiện đảm bảo sản phẩm Halal của Indonesia.

Ngày 31/10/2024, Indonesia đã gửi thông báo cho các nước thành viên WTO mã thông báo G/TBT/N/IDN/131/Add.2 về Quy định của Chính phủ Indonesia liên quan đến việc thực hiện đảm bảo sản phẩm Halal đã có hiệu lực kể từ ngày 17/10/2024. Đây là bản sửa đổi của Quy định số 8839 năm 2021 đã được thông báo trước đó tại mã G/TBT/N/IDN/131/Add.1 và G/TBT/N/IDN/131. Quy định này nhằm đảm bảo rằng các sản phẩm được người Indonesia tiêu thụ, đặc biệt là người Hồi giáo, phải tuân thủ các tiêu chuẩn Halal và mang đến cho người tiêu dùng sự chắc chắn về các sản phẩm Halal trên thị trường.

Chi tiết thông báo và toàn văn của dự thảo xem tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/TBT/IDN/final_measure/24_0745_3_00_x.pdf.

Văn phòng TBT Việt Nam đề nghị Quý Cơ quan, đơn vị nghiên cứu, đóng góp ý kiến (nếu có) cho dự thảo nói trên và gửi về cho Văn phòng TBT Việt Nam, số 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, điện thoại 02437912145, email: tbtvn@tcvn.gov.vn trước ngày 10/12/2024 để gửi phía Indonesia xem xét, tiếp thu.

Đài Loan thông báo Dự thảo sửa đổi quy định đặt biểu tượng tái chế trên hàng hóa

Ngày 02/12/2024, Đài Loan thông báo Dự thảo sửa đổi phạm vi các doanh nghiệp chịu trách nhiệm đặt biểu tượng tái chế có liên quan trên hàng hóa và thùng chứa, kích thước và vị trí đặt biểu tượng và các yêu cầu khác.

Theo đó, dự thảo này quy định phạm vi các doanh nghiệp chịu trách nhiệm đặt Biểu tượng tái chế có liên quan trên hàng hóa và thùng chứa, kích thước và vị trí của biểu tượng và các yêu cầu khác (sau đây gọi là "Thông báo") đã được công bố vào ngày 9 tháng 1 năm 2004 và đã trải qua một vòng sửa đổi kể từ đó.

Sau khi các sửa đổi đối với phạm vi hàng hóa hoặc bao bì và thùng chứa của chúng yêu cầu tái chế, xử lý hoặc xử lý và các doanh nghiệp chịu trách nhiệm tái chế, xử lý và xử lý được công bố vào ngày 19 tháng 5 năm 2023, các lớp lót và vĩ nhựa đã được chỉ định là chất thải có thể tái chế theo quy định; ngoài ra, các lớp lót và vĩ nhựa, cùng với các thùng chứa màng, hiện được gọi là vật liệu đóng gói màng.

Mục tiêu để bảo vệ môi trường. Ngày cuối cùng để nhận ý kiến: 60 ngày kể từ ngày thông báo

https://members.wto.org/crnattachments/2024/TBT/TPKM/24_08120_00_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/TPKM/552

HƯỚNG DẪN CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN EPING CỦA WTO ĐỂ NHẬN VÀ NGHIÊN CỨU CÁC TIN CẢNH BÁO TBT/SPS

Kính gửi: Quý doanh nghiệp

Trong thời gian qua, thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận (TBT Bình Thuận) đã thường xuyên tra cứu, tiếp nhận, chọn lọc, biên dịch, chuyển một số tin cảnh báo TBT của các nước thành viên WTO có liên quan đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp. Các tin cảnh báo TBT chọn lọc này được TBT Bình Thuận thông tin trên Bản tin TBT điện tử đăng tải trên website của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận (*tại địa chỉ website:*

<https://chicuctdcbinhthuan.gov.vn/News/hoatdongtbt/bantintbt.aspx>). Tuy nhiên, do số lượng, nội dung tin cảnh báo TBT/SPS của WTO rất phong phú, đa dạng, TBT Bình Thuận có thể chưa đáp ứng hết nhu cầu tra cứu tìm hiểu các tin cảnh báo TBT của doanh nghiệp.



Theo thông báo của Văn phòng TBT Việt Nam, hiện nay Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã xây dựng hệ thống cảnh báo TBT/SPS ePing có ngôn ngữ sử dụng bằng Tiếng Việt. Vì vậy, nhằm giúp doanh nghiệp nhận và nghiên cứu sớm các tin cảnh báo TBT/SPS của các nước thành viên WTO, chủ động trong việc tìm hiểu các thông tin về thị trường xuất khẩu, TBT Bình Thuận hướng dẫn các doanh nghiệp cách thức đăng ký tài khoản ePing cụ thể như sau:

* Bước 1: Truy cập đường link:

<https://eping.wto.org/en/Search/AllInformation?domainIds=1&countryIds=C704>

* Bước 2: Ấn vào ‘Other languages’ ở phía trên góc trái màn hình và chọn ngôn ngữ tiếng Việt – Vietnamese theo link: <https://www.epingalert.org/vi>

* Bước 3: Vào mục Đăng ký để tiến hành đăng ký tài khoản. Sau đó điền các thông tin cá nhân để thực hiện đăng ký tài khoản ePing.

* Bước 4: Hoàn thành đăng ký theo yêu cầu của hệ thống.

Nếu có khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, TBT Bình Thuận kính đề nghị các doanh nghiệp phản ánh, trao đổi cụ thể để TBT Bình Thuận hỗ trợ kịp thời (*TBT Bình Thuận – Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận, Khu dân cư Bắc Xuân An, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết. ĐT: 0252.3754042. Email: luannq@skhcn.binhthuan.gov.vn – Zalo: 0919962951, anh Luận*).

Kết quả thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 1009/KH-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh về thực hiện “Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, trong năm 2024, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã đạt được một số kết quả sau:

Tổ chức 01 lớp tập huấn hướng dẫn quy trình áp dụng quản lý chất lượng toàn diện trong doanh nghiệp (TQM), qua lớp tập huấn đã giúp 30 người là lãnh đạo, quản lý và người lao động của Công ty cổ phần may Bình Thuận – Nhà Bè cập nhật các kiến thức cần thiết về hệ thống Quản lý chất lượng toàn diện, vận dụng các quy trình quản lý nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa đáp ứng các yêu cầu của khách hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.



Tập huấn hướng dẫn quy trình áp dụng quản lý chất lượng toàn diện trong doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần may Bình Thuận – Nhà Bè

Phối hợp Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (nay là Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) tổ chức: *Hội nghị* “Hỗ trợ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho doanh nghiệp tỉnh Bình Thuận trong năm 2024”; *Hội thảo* “Triển vọng và giải pháp thúc đẩy ngành Halal ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ” tại tỉnh Bình Thuận; phối hợp với Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Trường Đại học

Phan Thiết tổ chức buổi *Tọa đàm* “Tổng quan về năng suất, chất lượng và áp dụng năng suất, chất lượng tại Trường Đại học Phan Thiết”.



Hội thảo triển vọng và giải pháp thúc đẩy ngành Halal ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ

Đăng tải 10 tin, bài tuyên truyền, thông tin về tình hình triển khai Chương trình trên website của Sở Khoa học và Công nghệ và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ “Hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho doanh nghiệp thuộc tỉnh Bình Thuận, giai đoạn 2023 - 2025”.

Cử 01 công chức tham dự khóa đào tạo “Chuyên gia năng suất” do Viện Năng suất Việt Nam tổ chức.

Các kết quả đạt được trong năm qua đã giúp cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có thêm thông tin về lợi ích hoạt động nâng cao năng suất chất lượng, nhận thức đầy đủ hơn về năng suất, chất lượng cũng như vận dụng kiến thức có được vào thực tế; góp phần nâng cao hiệu quả công việc tại đơn vị; khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng.

Trong năm tới, triển khai thực hiện theo các nội dung của chương trình, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiếp tục tăng cường tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức về năng suất chất lượng; Tiếp tục triển khai các hoạt động hỗ trợ, thông báo đến tổ chức, doanh nghiệp về chương trình nâng cao năng suất chất lượng hàng năm; Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động năng suất chất lượng...để tiến tới hoàn thành thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 05 năm, từ năm 2021 đến năm 2025./.

Nguyễn Thị Hạnh

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024 tại Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng



Trong năm 2024, công tác cải cách hành chính tại Chi cục được thực hiện nghiêm túc, nghiêm ýt công khai thủ tục hành chính, mẫu đơn từ, lệ phí, phiếu giao hẹn hồ sơ, thời hạn giải quyết từng loại công việc. Chi cục thực hiện duy trì tốt việc áp dụng hệ thống thư điện tử công vụ và phần mềm quản lý văn bản để giải quyết công việc giữa các phòng, đơn vị trực thuộc; trong công tác quản lý nhà nước được Chi cục quan tâm; duy trì và

vận hành tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, kết quả cụ thể như sau:

Về công tác chỉ đạo điều hành: Chi cục đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (Kế hoạch số 14/KH-CCTĐC ngày 23/01/2024). Đồng thời đã triển khai đến các phòng, đơn vị thuộc Chi cục để thực hiện tốt các nội dung theo Kế hoạch đề ra.

Triển khai các Kế hoạch của Sở KH&CN ban hành liên quan đến công tác cải cách hành chính đến các phòng, đơn vị thuộc Chi cục để biết thực hiện (Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024; Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024; Kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế đánh giá xếp loại CCHC năm 2023; Kế hoạch về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2024; Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp góp phần nâng cao chỉ số PAR Index, Chỉ số PAPI, Chỉ số SIPAS của tỉnh năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp góp phần cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) và chỉ số xanh (PGI) của tỉnh năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công gắn với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong giải quyết thủ tục hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ).

Triển khai Kế hoạch số 25/KH-SKHCN ngày 05/02/2024 của Sở KH&CN về Tổ chức cuộc thi “Tìm kiếm giải pháp, sáng kiến khắc phục tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023” của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2024, Chi cục đã tham gia 03 giải pháp/sáng kiến.

Bên cạnh đó, Chi cục đã ban hành Công văn tăng cường thực hiện công tác CCHC tại Chi cục trong năm 2024. Chỉ đạo các công chức, viên chức, người lao động tích cực tham gia Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu về cải cách hành chính” tỉnh Bình Thuận năm 2024. Chi cục đăng tin bài trên website nhằm phổ biến, tuyên truyền và triển khai công tác cải cách hành chính năm 2024 đến tổ chức, cá nhân cũng như toàn thể công chức, người lao động được biết.

Về cải cách thể chế: Báo cáo kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trong

tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô.

Về cải cách thủ tục hành chính (TTHC): Tham mưu văn bản rà soát, đăng ký danh mục TTHC triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình; văn bản hướng dẫn thực hiện số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC tại cơ quan; báo cáo việc thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và triển khai các nhiệm vụ liên quan đến số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC. Thực hiện góp ý danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với TTHC cấp tỉnh; góp ý dự thảo Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp góp phần cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) và chỉ số xanh (PGI) của tỉnh năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ.

Trong năm 2024, Chi cục tiếp nhận và giải quyết 09/09 hồ sơ của cá nhân, tổ chức đúng và sớm hạn. Đảm bảo 100% hồ sơ được số hóa theo quy định. Không nhận ý kiến phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết.

Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: Sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy các phòng thuộc Chi cục từ 04 phòng còn 02 phòng đến nay duy trì ổn định và hiệu quả. Chi cục đã tham mưu và được UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị.

Số lượng biên chế hành chính của Chi cục được cấp thẩm quyền giao năm 2024: 12 biên chế. Số lượng biên chế hiện có được bố trí, phân công vào các phòng để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Thực hiện điều động công chức giữa các phòng chuyên môn thuộc Chi cục; tiếp nhận vào làm công chức đối với viên chức thuộc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Hàng năm, sau hội nghị công chức và người lao động, Chi cục đã rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của đơn vị; trong đó, có phân công triển khai việc kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện quy chế.

Về cải cách chế độ công vụ, công chức: Đã xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, người lao động năm 2024 (Kế hoạch số 206/KH-CCTĐC ngày 26/10/2023). Theo đó, Chi cục cử 26 lượt công chức tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các công tác khác; Trung tâm cử 10 lượt viên chức tham gia các khóa đào tạo về ISO/IEC 17025:2017, kỹ thuật lấy mẫu môi trường, an toàn bức xạ và cử 07 lượt viên chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng trong công tác chuyên môn và công tác khác.

Thực hiện nâng bậc lương thường xuyên đối với 03 công chức và 02 người lao động; nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 01 công chức. Chấm dứt 01 hợp đồng lao động đối với nhân viên bảo vệ.

Thực hiện tốt các quy định về tuyển dụng, sử dụng và bố trí công chức tại đơn vị. Định kỳ hàng năm thực hiện đánh giá, xếp loại công chức và thông báo kết quả đánh giá đến từng công chức trong Chi cục. Công chức thuộc Chi cục chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính. Trong thời kỳ báo cáo, không có trường hợp công chức vi phạm.

Về cải cách tài chính công: Chi cục tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và

Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ; sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Chi cục sau Hội nghị CC-NLĐ năm 2023 (Quyết định số 16/QĐ-CCTĐC ngày 26/3/2024).

Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số: Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, đơn vị được duy trì và phát huy hiệu quả trong việc phục vụ cải cách hành chính. Thực hiện ký số và gửi văn bản điện tử qua hệ thống thông tin điện tử của tỉnh Bình Thuận; 100% văn bản được ký số, gửi và xử lý trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử công vụ, phần mềm một cửa điện tử của tỉnh. Định kỳ, thực hiện viết tin, bài về cải cách hành chính đăng trên trang website Chi cục và website Sở.

Chi cục tiếp tục áp dụng và duy trì đạt hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015. Trong năm 2024, ban hành tài liệu Hướng dẫn tổ chức kiểm tra trực tuyến hoạt động duy trì HTQLCL tại các cơ quan hành chính Nhà nước (HD.NV2.04) áp dụng vào HTQLCL của Chi cục.

Về triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trong cơ quan hành chính nhà nước: Báo cáo tình hình xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính Nhà nước của tỉnh Bình Thuận năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024; Thông báo kết quả kiểm tra hoạt động duy trì HTQLCL theo TCVN ISO 9001 qua hồ sơ, báo cáo năm 2023.

Tham mưu Sở KH&CN trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra hoạt động duy trì HTQLCL theo TCVN ISO 9001: 2015 trên địa bàn tỉnh năm 2024; Hướng dẫn triển khai công tác duy trì áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan trong năm 2024. Hoàn thành kế hoạch kiểm tra trực tiếp tại 40/40 đơn vị, kiểm tra qua hồ sơ, báo cáo 122 cơ quan, đơn vị. Tổ chức 04 lớp tập huấn hướng dẫn các hoạt động duy trì áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, với gần 800 lượt cán bộ, công chức tham dự.

Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong năm 2024, Chi cục đề ra một số nhiệm vụ để thực hiện trong năm 2025, như sau:

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Chỉ thị 32-CT/TU ngày 31/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 25/04/2019 của UBND tỉnh, đảm bảo các hồ sơ giải quyết cho công dân đúng và sớm hẹn.

Kiểm tra tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan Nhà nước tỉnh Bình Thuận năm 2025.

Phạm Cúc

Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ trong năm 2024 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Triển khai Kế hoạch số 4054/KH-UBND ngày 19/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023 - 2030 của tỉnh Bình Thuận, trong năm 2024, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã đạt được một số kết quả chính như sau:

Về thực hiện các biện pháp hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp; tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về mặt chính sách để phát triển nguồn nguyên liệu trong tỉnh giúp doanh nghiệp đáp ứng quy tắc xuất xứ, tận dụng tốt hơn các cơ hội mang lại từ các FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới: Nhằm giúp cập nhật thông tin về các thông báo ban hành, dự kiến áp dụng các biện pháp hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của các nước thành viên WTO cho tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, Chi cục đã biên tập và phát hành 05 Bản tin TBT điện tử đăng tải trên Website Chi cục và Sở Khoa học và Công nghệ. Đồng thời, đã tổ chức 01 Hội nghị tập huấn hướng dẫn thực hiện hoạt động truy xuất nguồn gốc (TXNG) sản phẩm, hàng hóa với 70 đại biểu là đại diện các cơ quan quản lý cấp tỉnh, cấp huyện, chủ các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh tham dự. Hội nghị đã giúp trang bị, cập nhật các kiến thức cơ bản về TXNG và hệ thống TXNG để các nhà quản lý, các doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất nhận thức rõ hơn vai trò của việc áp



dụng TXNG trong sản xuất sản phẩm, hàng hóa, trên cơ sở đó, giúp các đơn vị có định hướng đúng đắn, phù hợp áp dụng TXNG cho các sản phẩm, hàng hoá đơn vị mình sản xuất kinh doanh.

Tập huấn hướng dẫn thực hiện hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa

Về thực hiện Kế hoạch số 1009/KH-UBND ngày 26/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021- 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận: Tổ chức 01 lớp tập huấn hướng dẫn quy trình áp dụng quản lý chất lượng toàn diện trong doanh nghiệp (TQM) tại Công ty

cổ phần may Bình Thuận – Nhà Bè; Phối hợp Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (nay là Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) và Trường Đại học Phan Thiết tổ chức 03 Hội nghị, Hội thảo, Tọa đàm về năng suất chất lượng và “Triển vọng và giải pháp thúc đẩy ngành Halal ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ”. Thông qua các lớp đào tạo, hội nghị, tọa đàm, các cấp lãnh đạo, quản lý, người lao động, các thầy cô, các sinh viên đã được cập nhật các kiến thức hữu ích, nhận thức đầy đủ hơn về các công cụ cải tiến năng suất chất lượng, các hệ thống quản lý... và vận dụng vào thực tế công việc góp phần cải tiến tốt hơn các công việc đang thực hiện.

Tọa đàm tổng quan về năng suất chất lượng và áp dụng năng suất chất lượng trong các Trường đại học, cao đẳng



Về thực hiện Kế hoạch số 2120/KH-UBND ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh về Triển khai Đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" (Đề án 996) trên địa bàn tỉnh: Chi cục đã tổ chức 01 lớp tập huấn các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và triển khai Đề án 996 trong kinh doanh xăng dầu, với sự tham gia của 45 đại biểu tham dự. Qua buổi tập huấn, các đại biểu tham dự đã được hướng dẫn, cập nhật kiến thức về nội dung đo lường, chất lượng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, giúp các thương nhân kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh nắm vững và thực hiện đầy đủ các nội dung do Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu.

Trong thời gian tới Chi cục sẽ tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 1009/KH-UBND về thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Kế hoạch số 2120/KH-UBND về triển khai Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ.

Nguyễn Thị Hạnh



*** **

@



CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN